TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST

Ngày : 11/9/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – C/vụ: Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2017/TLST-KDTM ngày 19/7/2017, về *"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-KDTM ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số xxx đường K, phường x, quận y, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T- Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân S (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu x, số xxx đường C, phường p, quận z, thành phố Hồ CHí Minh.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH Thương mại T.

Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T- Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xx đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: 1. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T (Đều vắng mặt)

Địa chỉ: Lô số xx tập thể Ngân hàng N, ngõ xxx đường H, phường D, quận G, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Văn N (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà xxx đường Q, phường Q, quận G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2017, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) khai: Công ty TNHH thương mại T (sau đây được viết tắt là Công ty) có trụ sở tại xx đường Y , thành phố B nay chuyển trụ sở về tại địa chỉ số zz đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình kinh doanh Công ty TNHH thương mại T có vay vốn của Ngân hàng để hoạt động kinh doanh. Cụ thể:

- Ngày 24/12/2014 ký hợp đồng cấp tín dụng số DOX.DN.613/241214 với số tiền vay là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) được giải ngân theo các khế ước từ số 01-04. Lãi suất trong hạn 9,5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Số khế ước 01 (SKT 191169359) ngày 25/12/2014 giải ngân 2.000.000.000đ, thời hạn vay từ 25/12/2014- 25/12/2021.

Số khế ước 02 (SKT 191340789) ngày 29/12/2014 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 29/12/2014- 25/12/2021.

Số khế ước 03 (SKT 191750009) ngày 08/01/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 08/01/2015- 25/12/2021.

Số khế ước 04 (SKT 193363679) ngày 10/02/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 10/02/2015- 25/12/2021.

- Ngày 14/5/2015 Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng cấp tín dụng số DOX.DN.681.080515 cho Công ty TNHH thương mại T vay với số tiền là 7.000.000.000đ (Bản tỷ đồng) được giải ngân theo các khế ước từ số 08-14. Lãi suất trong hạn 8,7%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Số khế ước 08 (SKT 20858579) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015- 21/06/2016.

Số khế ước 09 (SKT 208585049) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015- 20/06/2016.

Số khế ước 10 (SKT 208586439) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015-17/06/2016.

Số khế ước 11 (SKT 208587679) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015- 18/06/2016.

Số khế ước 12 (SKT 208588629) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015- 1506/2016.

Số khế ước 13 (SKT 208589249) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015- 13/06/2016.

Số khế ước 14 (SKT 208590019) ngày 21/12/2015 giải ngân 1.000.000.000đ, thời hạn vay từ 21/12/2015-16/06/2016.

- Các khoản vay trên được bảo đảm bằng:

+ Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 99 (1P), tờ bản đồ số 16 tại tổ xx phường Q, quận G, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH xxxxx do UBND quận G cấp ngày 12/10/2011. Hợp đồng thế chấp ngày 14/5/2015 được công chứng tại phòng công chứng số 03 ngày 14/5/2015.

+ Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô số x, tập thể ngân hàng N, ngõ xxx đường H, phường D, quận G, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM xxxxx do UBND quận G cấp ngày 09/11/2012. Hợp đồng thế chấp ngày 13/5/2013 được công chứng tại phòng công chứng số 03 ngày 13/5/2013.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH thương mại T đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, đến ngày 22/06/2016, Ngân hàng đã cơ cấu lại khoản nợ theo các văn bản sau:

+ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số: DOX.DN.613241212/SĐ 01, theo đó đồng ý cho Công ty TNHH thương mại T ngưng trả nợ các khoản lãi của các kỳ trả nợ liên tiếp tính từ kỳ trả nợ ngày 25/3/2016 đến kỳ trả nợ ngày 25/8/2016. Từ kỳ trả nợ ngày 25/9/2016, Công ty phải trả các khoản nợ theo các cam kết trong các hợp đồng đã ký kết cho Ngân hàng.

+ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: DOX.DN.681.080515/SĐ 01. Theo đó, ngày đáo hạn các khoản vay theo các khế ước nhận nợ của hợp đồng tín dụng số DOX.DN.681.080515 (khế ước nhận nợ từ 08-14) là 16/6/2016 được cơ cấu lại đến ngày 31/01/2017. Ngân hàng đồng ý cho Công ty TNHH thương mại T ngưng

trả nợ gốc khoản vay từ kỳ trả nợ ngày 21/09/2016 đến kỳ trả nợ ngày 21/01/2017. Đến kỳ đáo hạn khoản vay ngày 31/01/2017, Công ty phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại, các khoản nợ lãi và các khoản phải trả khác.

Tính đến ngày 30/12/2016, Công ty đã thanh toán được số tiền lãi suất của các khế ước nêu trên là 1.051.045.010 đồng và tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 5.597.479 đồng.

- Từ sau ngày 30/12/2016 Công ty TNHH thương mại T không tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết. Do không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/02/2017 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với hợp đồng cấp tín dụng số DOX.DN.613/241214 với số tiền vay là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) và đến ngày 03/3/2017 toàn bộ số tiền Công ty còn nợ lại của Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với các bên liên quan để xử lý nợ, xong các bên không đồng ý giao tài sản để Ngân hàng tiến hành thu hồi nợ.

Tạm tính đến ngày xét xử 11/9/2018, phía Công ty TNHH thương mại T còn nợ tổng số tiền của cả hai hợp đồng là: 16.102.329.990đ. Trong đó, vay gốc: 12.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 950.638.323 đồng, lãi quá hạn: 3.151.691.667 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH thương mại T trả cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu (gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tạm tính đến ngày 11/9/2018 là 16.102.329.990đ. Trong đó, vay gốc: 12.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 950.638.323 đồng, lãi quá hạn: 3.151.691.667 đồng. Ngoài ra Công ty còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng và khế ước nhận nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH thương mại T là ông Nguyễn Văn T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do biết bà Nguyễn Thị T có nhu cầu cho thuê nhà nên tôi đã thuê ngôi nhà số xxx đường Q , tổ 42, phường Q, quận G, thành phố Hà Nội từ ngày 01/4/2018. Mục đích để ở và bán hàng. Hiện tại chỉ có một mình tôi sống tại đây. Từ khi về ở đến nay tôi không cải tạo sửa chữa gì. Việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T thế chấp nhà đất này cho Ngân hàng TMCP A thì tôi không biết và không liên quan gì. Do đó, đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và Công ty T là đúng quy định. Theo đó, Công ty T thực hiện các khoản vay của Ngân hàng A như sau: Ngày 25/12/2014, vay 2.000.000.000 đồng; Ngày 29/12/2014, vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 08/01/2015, vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 10/02/2015, vay 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay của các khoản vay trên là năm 2021. Ngoài ra, còn có các khoản vay vào ngày 21/12/2015, vay 7.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến 21/6/2016 (Các Khế ước nhận nợ số 08 đến 14 ngày 21/12/2015). Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T đã ký các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 09/3/2016, Ngân hàng Ađã ra thông báo chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay trên. Tính đến thời điểm 09/02/2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 12.000.000.000 đồng.

Xét thấy, do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP buộc Công ty TNHH Thương mại T trả 12.000.000.000đồng tiền gốc và lãi suất là có căn cứ. Đối với số tiền phạt lãi chậm trả, Ngân hàng tính lãi suất phạt 150% là không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ: Các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Chấp nhận Đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP A, buộc Công ty TNHH thương mại T trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền: 12.000.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, nhận thấy:

Xét việc ký kết các Hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.DN.613/241214 Ngày 24/12/2014 với số tiền vay là 5.000.000.000đ được giải ngân theo các khế ước từ số 01-04, Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.DN.681.080515 Ngày 14/5/2015 với số tiền vay là 7.000.000.000đ được giải ngân theo các khế ước từ số 08-14, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số: DOX.DN.613241212/SĐ 01, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: DOX.DN.681.080515/SĐ 01 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với Công ty TNHH Thương mại T là hoàn toàn tự do, tự nguyện phù hợp với Điều 11 của Luật thương mại. Các nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là phù hợp và không trái với quy định của pháp luật tại Điều 471, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền 12.000.000.000 đồng theo các hợp đồng vay số DOX.DN.613/241214 Ngày 24/12/2014 và số DOX.DN.681.080515 Ngày 14/5/2015. Căn cứ bảng sao kê giao dịch đã xác định được tính đến ngày 30/12/2016, Công ty TNHH thương mại T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi suất của các hợp đồng nêu trên là: 1.051.045.010 đồng và số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 5.597.479 đồng.

Tại các kỳ trả nợ tiếp theo ngày 25/01/2017, 31/01/2017 của Hợp đồng DOX.DN.613/241214 Ngày 24/12/2014 và kỳ đáo hạn toàn bộ khoản vay ngày 31/7/2017 của Hợp đồng DOX.BĐ DN.301.080515 Công ty TNHH thương mại T không thực hiện việc thanh toán các khoản lãi và gốc như các bên đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH thương mại T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay nợ gồm: số tiền vay gốc 5.000.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 11/9/2018 là 1.772.645.273 đồng (Trong đó gồm: lãi trong hạn là 391.749.439 đồng, lãi quá hạn: 1.380.895.834 đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.DN.613/241214 ngày 24/12/2014 và số tiền vay gốc là 7.000.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 11/9/2018 là 2.329.684.717 đồng (trong đó gồm: lãi trong hạn là 558.888.885 đồng, lãi quá hạn: 1.770.795.832 đồng) theo hợp đồng số DOX.DN.681.080515 Ngày 14/5/2015 cùng các khoản lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quá hạn cho đến khi bị đơn thanh toán xong nghĩa vụ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Xét nội dung các thỏa thuận về việc bảo lãnh của bên thứ ba là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T bằng việc thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99(1P), tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Tổ 42,

phường Q, Quận G, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH xxxxx được UBND quận G cấp ngày 12/10/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Lô số xx, Trung tâm Ngân hàng N, ngõ xxx đường H, phường Đ, Quận G, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM xxxxx được UBND quận G cấp ngày 09/11/2012 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH thương mại T tại Ngân hàng TMCP A theo Hợp đồng thế chấp số DOX.BĐ DN.301.080515 ngày 14/5/2015 và Hợp đồng thế chấp ngày 13/5/2013 là phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 715, 716 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, cần tiếp tục thực hiện việc thế chấp về tài sản của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH thương mại T với Ngân hàng. Sau khi Công ty trả xong các khoản vay nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T tài sản đã thế chấp đã nêu trên.

Về án phí: bị đơn là Công ty TNHH thương mại T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 30, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng: Điều 471, khoản 1 Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty TNHH thương mại T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vay gốc là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) và lãi suất phát sinh tính đến ngày 11/9/2018 là 1.712.645.273 đồng (Một tỷ bảy trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) theo hợp đồng DOX.DN.613/241214 ngày 24/12/2014 và số tiền vay gốc là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) cùng lãi suất phát sinh tính đến ngày 11/9/2018 là 2.329.684.717 đồng (hai tỷ ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn bảy trăm mười bảy đồng) theo hợp đồng DOX.DN.681.080515 ngày 14/5/2015. Tổng cộng là: 16.102.329.990 đồng (Mười sáu tỷ, một trăm lẻ hai triệu, ba trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi đồng).

Ngoài ra, Công ty TNHH thương mại T còn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo các hợp đồng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Tiếp tục thực hiện việc thế chấp về tài sản của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo cho việc thanh toán khoản nợ trên.

Sau khi Công ty TNHH Thương mại T đã thực hiện xong nghĩa vụ, Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T tài sản đã thế chấp là :

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH xxxxx được UBND quận G cấp ngày 12/10/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM xxxx được UBND quận G cấp ngày 09/11/2012 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T.

Trường hợp Công ty TNHH thương mại T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì tài sản đã thế chấp được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Công ty TNHH thương mại T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 124.102.330 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, một trăm lẻ hai ngàn, ba trăm ba mươi đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 60.442.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000854 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hánh án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đăk Lăk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đăk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-Lưu HS

Nguyễn Thị Hải An